

Số: /BC-BDT

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh, tính đến tháng 6 năm 2024
(*Tài liệu phục vụ Hội nghị sơ kết công tác dân tộc 6 tháng đầu năm 2024*)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGUỒN VỐN NĂM 2024

1. Tham mưu ban hành kế hoạch, phân bổ nguồn vốn

Ban Dân tộc đã phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch, quyết định phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024 (Chương trình) như sau:

- Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 23/4/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2024.

- Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện Chương trình năm 2024.

- Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2024.

2. Kết quả phân bổ kế hoạch, thực hiện giải ngân nguồn vốn năm 2024

a) Kế hoạch phân bổ nguồn vốn:

Kế hoạch nguồn vốn năm 2024 là 296.423 triệu đồng (ĐTPT 207.432 triệu đồng; SN 88.990 triệu đồng); trong đó: NSTW 265.815 triệu đồng (vốn ĐTPT 188.432 triệu đồng; vốn SN 77.383 triệu đồng); NS tỉnh đối ứng: 30.607 triệu đồng (vốn ĐTPT (10%) 19.000 triệu đồng; vốn SN (15%) 11.607 triệu đồng). Trong đó:

- Nguồn vốn đã được phân bổ: 243.838 triệu đồng (ĐTPT 207.432 triệu đồng; SN 36.406 triệu đồng); trong đó: NSTW 220.653 triệu đồng (vốn ĐTPT 188.432 triệu đồng; vốn SN 32.221 triệu đồng); NS tỉnh đối ứng: 23.185 triệu đồng (vốn ĐTPT 19.000 triệu đồng; vốn SN 4.185 triệu đồng).

- Nguồn vốn chưa phân bổ: 52.585 triệu đồng, vốn SN; gồm: NSTW 45.162 triệu đồng, NS tỉnh đối ứng 7.423 triệu đồng. (*Kèm theo Biểu số 01, Biểu số 02*)

b) Kết quả giải ngân nguồn vốn:

Kết quả thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công đến ngày 05/7/2024 là 13.791 triệu đồng; đạt 6,8% kế hoạch vốn phân bổ; cụ thể: Dự án 2: 13.386 triệu

đồng (huyện Lộc Ninh 1.532 triệu đồng, huyện Bù Gia Mập 11.854 triệu đồng); Dự án 5: 405 triệu đồng, huyện Bù Gia Mập.

Nguồn vốn còn lại, các đơn vị, địa phương đã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình, ban hành quyết định giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư các danh mục, dự án chi tiết và triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN VỐN NĂM 2022, NĂM 2023

1. Kế hoạch nguồn vốn phân bổ năm 2022, 2023

Tổng kế hoạch nguồn vốn năm 2022, năm 2023: 545.697 triệu đồng; gồm: vốn ĐTPT 410.210 triệu đồng; vốn SN 135.487 triệu đồng. Trong đó:

- *Năm 2022*: Tổng kinh phí phân bổ 224.514 triệu đồng, gồm: vốn ĐTPT 178.909 triệu đồng; vốn SN 45.605 triệu đồng.

- *Năm 2023*: Tổng kinh phí kế hoạch 342.456 triệu đồng, gồm: vốn ĐTPT 231.300 triệu đồng; vốn SN 111.156 triệu đồng. Trong đó, Kế hoạch vốn đã phân bổ: 321.183 triệu đồng, gồm: vốn ĐTPT 231.300 triệu đồng; vốn SN 89.882 triệu đồng; Nguồn kinh phí chưa phân bổ: 21.275 triệu đồng, vốn sự nghiệp, thuộc Dự án 5.

2. Kết quả giải ngân nguồn vốn:

Tổng lũy kế kết quả giải ngân nguồn vốn năm 2022, năm 2023 đến ngày 30/6/2024: 412.686 triệu đồng, đạt 75,63% kế hoạch nguồn vốn phân bổ; trong đó: nguồn vốn ĐTPT 369.894 triệu đồng, đạt 90% kế hoạch; nguồn vốn sự nghiệp 42.792 triệu đồng, đạt 31,60% kế hoạch¹. Trong đó:

- *Năm 2022*: 185.341 triệu đồng, đạt 82,55% kế hoạch nguồn vốn phân bổ; trong đó: nguồn ĐTPT 164.110 triệu đồng, đạt 91,72% kế hoạch; nguồn sự nghiệp 21.231,4 triệu đồng, đạt 46,55% kế hoạch.

+ *Năm 2023*: 227.345 triệu đồng, đạt 70,78% kế hoạch nguồn vốn phân bổ; trong đó: nguồn ĐTPT 205.784 triệu đồng, đạt 88,97% kế hoạch; nguồn sự nghiệp 21.561 triệu đồng, đạt 24%. (Kèm theo Biểu số 3, Biểu số 4)

III. THAM MƯU THÁO GỖ KHÓ KHĂN VỀ NGUỒN VỐN CHƯA PHÂN BỐ; NGUỒN VỐN ĐÃ PHÂN BỐ CHƯA THỰC HIỆN GIẢI NGÂN

1. Nguồn vốn sự nghiệp năm 2023 chưa phân bổ 21.275 triệu đồng, thuộc Dự án 5 của Chương trình

Ngày 10/01/2024, Ban Dân tộc có Công văn số 18/BDT-CSDT đề nghị các đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện rà soát, đăng ký nhu cầu nguồn vốn; trên cơ sở đề xuất của Trường Cao đẳng Bình Phước, UBND 03 huyện: Bù Đốp, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Ban Dân tộc đã tổng hợp nhu cầu kế hoạch phân bổ nguồn vốn đề nghị Sở Tài chính phối hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện tại Công văn số 161/BDT-CSDT ngày

¹ Theo Tờ trình số 190/TTr-CP ngày 26/4/2024 của Chính phủ trình Quốc hội về hồ sơ báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình; nguồn vốn năm 2023 (bao gồm cả vốn năm 2022 chuyển sang), tỷ lệ giải ngân vốn của Chương trình trong cả nước đến quý I/2024: vốn đầu tư công là 73%, vốn SN là 29%.

22/3/2024; Công văn số 313/BDT-CSDT ngày 16/5/2024.

Hiện nay, Sở Tài chính có Công văn số 1668/STC-HCSN ngày 29/5/2024 có ý kiến: “*đề nghị bổ sung quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của UBND các huyện Đồng Phú, Bù Gia Mập, Bù Đốp*”.

Ngày 31/5/2024, Ban Dân tộc có Công văn số 365/BDT-CSDT đề nghị UBND các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đốp, Đồng Phú phối hợp bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Sở Tài chính. Kết quả, huyện Bù Gia Mập có Công văn số 805/UBND-VX ngày 13/6/2024 có ý kiến: “*Đối với đề xuất thực hiện mua sắm trang thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên cho Trường Phổ thông DTNT THCS-THPT Bù Gia Mập, UBND huyện đã căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước để xây dựng danh mục thiết bị và khái toán kinh phí. Như vậy, việc đề xuất mua sắm trang thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên cho Trường Phổ thông DTNT THCS-THPT Bù Gia Mập là đã đủ cơ sở pháp lý theo quy định tại Điều 19 của Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài Chính như yêu cầu của Sở Tài chính tại Công văn 1668/STC-HCSN ngày 29/5/2024*”; huyện Bù Đốp có Công văn số 1376/UBND-KT ngày 28/6/2024 có ý kiến: “*khoản 1 Điều 1 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước*”) thì việc mua sắm trang thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên cho các trường phổ thông DTNT, bán trú; trường phổ thông có học sinh bán trú từ nguồn kinh phí sự nghiệp không áp dụng tại quyết định này mà được thực hiện theo quyết định của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giáo dục đào tạo và theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu. Từ những ý kiến trên UBND huyện Bù Đốp đề nghị Ban Dân tộc xem xét trình UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách sự nghiệp thuộc chương trình năm 2023 (đợt 4) để huyện triển khai thực hiện”.

Tuy nhiên, theo đề nghị của Sở Tài chính, UBND 03 huyện: Bù Đốp, Bù Gia Mập, Đồng Phú bổ sung quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trên địa bàn huyện mới đủ cơ sở để tham mưu UBND tỉnh phân bổ được kế hoạch nguồn vốn. Do đó, ngày 21/6/2024, Ban Dân tộc tiếp tục có Công văn số 434/BDT-CSDT đề nghị 03 huyện phối hợp bổ sung quyết định nêu trên.

Qua phối hợp, nắm tình hình tham mưu của các địa phương, huyện Bù Gia Mập không thể áp dụng quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trên địa bàn huyện để thực hiện mua sắm trang thiết bị nhằm duy trì hoạt động thường xuyên cho Trường Phổ thông DTNT THCS-THPT Bù Gia Mập, do Trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Nguồn vốn sự nghiệp năm 2024 chưa phân bổ 52.585 triệu đồng:

Dự án 1: 16.210 triệu đồng; Dự án 3: 3.047 triệu đồng; Dự án 4: 4.080 triệu đồng; Dự án 5: 24.451 triệu đồng; Dự án 6: 186 triệu đồng; Dự án 7: 60 triệu đồng; Dự án 8: 2.913 triệu đồng; Dự án 9: 124 triệu đồng; Dự án 10: 1.514 triệu đồng. Hiện nay, Ban Dân tộc đã Công văn số 151/BDT-CSDT ngày 20/3/2024, Công văn số 364/BDT-CSDT ngày 31/5/2024 đề nghị các đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát, đăng ký bổ sung nhu cầu nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2024. Đến nay, Ban Dân tộc nhận được văn bản của 14/20 đơn vị, địa phương; gồm: Cấp tỉnh: có 08/10 đơn vị (06 đơn vị không bổ sung, 02 đơn vị có đề nghị bổ sung); Cấp huyện: có 06/09 đơn vị (02 đơn vị không đăng ký bổ sung vốn; 01 đơn vị đăng ký vốn dự án không còn nguồn phân bổ; 03 đơn vị đăng ký bổ sung). Ban Dân tộc đang rà soát, phối hợp đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ bổ sung nguồn vốn theo đề nghị bổ sung của các đơn vị; tổng nguồn vốn sự nghiệp năm 2024 đề nghị phân bổ (đợt 2) là khoảng 13.785 triệu đồng; gồm: Dự án 1: 35 triệu đồng; Dự án 3: 2.854 triệu đồng; Dự án 4: 3.273 triệu đồng; Dự án 5: 6.229 triệu đồng.

Số kinh phí chưa phân bổ, Ban Dân tộc sẽ phối hợp tham mưu như sau:

- Hoàn trả ngân sách tỉnh 2.783 triệu đồng (Dự án 1: 750 triệu đồng; Dự án 3: 193 triệu đồng; Dự án 4: 177 triệu đồng; Dự án 5: 1.021 triệu đồng; Dự án 6: 186 triệu đồng; Dự án 7: 60 triệu đồng; Dự án 8: 152 triệu đồng; Dự án 9: 124 triệu đồng; Dự án 10: 120 triệu đồng). Lý do, theo ý kiến của Sở Tài chính, ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng thực hiện các nội dung, tiểu dự án của Chương trình ở cấp huyện là 10%, cơ quan cấp tỉnh là 15%; nhưng kế hoạch ngân sách tỉnh bố trí kế hoạch vốn đối ứng nguồn vốn sự nghiệp năm 2024 là 15% nên dư kinh phí.

- Ban Dân tộc tiếp tục phối hợp tham mưu phân bổ 33.256 triệu đồng; gồm: Dự án 1: 15.425 triệu đồng; Dự án 4: 630 triệu đồng; Dự án 5: 17.201 triệu đồng; gồm:

- + Dự án 1 sẽ rất khó để phân bổ được nguồn vốn (do: số hộ nghèo DTTS, hộ nghèo người Kinh sinh sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn còn rất ít nên không phân bổ được nguồn vốn để hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, hỗ trợ chuyển đổi nghề; do đó, cần phải thực hiện chuyển nguồn vốn theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội để chuyển nguồn vốn sang các dự án khác.

- + Dự án 4: tiếp tục đề nghị các địa phương rà soát, đề xuất duy tu sửa chữa công trình cơ sở hạ tầng là thực hiện được;

- + Dự án 5: tiếp tục phối hợp hỗ trợ thực hiện công tác chuyển đổi số cho Trường DTNT của Bình Long, Bình Phước; hỗ các trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.

3. Nguồn vốn năm 2022, 2023 đã phân bổ, chưa thực hiện giải ngân:

Tổng kế hoạch nguồn vốn năm 2022, năm 2023 đã phân bổ chưa thực hiện giải ngân 133.010 triệu đồng (vốn ĐTPT 40.315 triệu đồng; vốn SN 92.695 triệu đồng).

- Năm 2022: Tổng kế hoạch nguồn vốn đã phân bổ chưa thực hiện giải ngân

39.173 triệu đồng; gồm: vốn ĐTPT 14.799 triệu đồng; vốn SN 24.374 triệu đồng.

- Năm 2023: Tổng kế hoạch nguồn vốn đã phân bổ chưa thực hiện giải ngân 93.837 triệu đồng; gồm: vốn ĐTPT 25.516 triệu đồng; vốn SN 68.321 triệu đồng.

Nhằm tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện điều chỉnh nguồn vốn của Chương trình đã phân bổ nhưng các đơn vị, địa phương chưa thực hiện giải ngân hoặc khó thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Ban Dân tộc đã có Công văn số 327/BDT-CSDT ngày 21/5/2024, Công văn số 415/BDT-CSDT ngày 14/6/2024 đề nghị các đơn vị, địa phương được giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình khẩn trương thực hiện rà soát, đánh giá khả năng thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu của chương trình, dự án, tiểu dự án thành phần và đề xuất nhu cầu thực hiện điều chỉnh nguồn vốn gửi về Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp tham mưu. Đến nay, Ban Dân tộc nhận được văn bản của 13/19 đơn vị; gồm: Cấp tỉnh: có 08/10 đơn vị có văn bản phối hợp (05 đơn vị không đề xuất chuyển nguồn, đề nghị chuyển nguồn vốn đã phân bổ sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện; có 03 đơn vị đề xuất trả bớt nguồn phân bổ); UBND cấp huyện: có 07/09 đơn vị có văn bản phối hợp (có 02 đơn vị không đề xuất chuyển nguồn, có 04 đơn vị đề nghị trả bớt nguồn vốn đã phân bổ, 01 đơn vị có đề xuất điều chuyển nguồn vốn).

Ban Dân tộc sẽ tiếp tục đề nghị các đơn vị, địa phương còn lại thực hiện rà soát, đề xuất điều chuyển nguồn vốn theo khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

IV. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân chung của Chương trình

a) Khó khăn, hạn chế:

- Đối tượng, địa bàn thụ hưởng: Việc thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch đề đăng ký nhu cầu kế hoạch với trung ương được thực hiện từ đầu năm 2020, đến gần cuối năm 2022 các đơn vị, địa phương mới được phân bổ vốn thực hiện nên một đối tượng đã thoát nghèo qua các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của tỉnh; một số xã thụ hưởng Chương trình đã về đích nông thôn mới nên đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình bị giảm so với kế hoạch đăng ký ban đầu, dẫn đến không phân bổ được hết kế hoạch nguồn vốn hoặc vốn phân bổ không thực hiện giải ngân được.

+ Dự án 1: Định mức hỗ trợ thấp hơn Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS của tỉnh đang thực hiện, nên khó khăn trong triển khai thực hiện: xây nhà ở (quy định 40 triệu đồng/căn, tỉnh đang thực hiện 86 triệu đồng/căn), sửa chữa nhà ở (quy định 20 triệu đồng/căn, tỉnh đang thực hiện 30 triệu đồng/căn), chuyển đổi nghề (quy định 10 triệu đồng/hộ, tỉnh thực hiện hỗ trợ con giống 40 triệu đồng/hộ, mua nông cụ 10 triệu đồng/hộ, hỗ trợ xe máy 20 triệu đồng/hộ),...

+ Dự án 2: Tỉnh được phê duyệt 08 dự án, có 03 dự án nằm trên địa bàn 03 xã biên giới: Lộc Thịnh, Lộc Tấn và Lộc An, huyện Lộc Ninh đã về đích nông thôn mới nên không phân bổ được nguồn vốn triển khai thực hiện.

+ Tiểu Dự án 2, Dự án 3: quy định đối tượng thụ hưởng là các hộ nghèo, cận nghèo (hiện nay còn rất ít); trong khi tham gia phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đòi hỏi có vùng nguyên liệu, đồng bộ chất lượng sản phẩm sau thu hoạch (nên người dân tham gia chuỗi liên kết phải có tư liệu sản xuất, có trình độ sản xuất và ít nhất phải có đất sản xuất). Qua khảo sát thực tế 07 xã trên địa bàn 2 huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng: 60-70% hộ nghèo và cận nghèo không có đất sản xuất, số có đất thì diện tích rất ít, phân tán nhỏ lẻ nên không thực hiện liên kết được chuỗi giá trị.

+ Tiểu dự án 1, Dự án 5: tỉnh có 06/07 Trường Dân tộc nội trú không nằm trên địa bàn vùng DTTS&MN, theo quy định không thuộc địa bàn đầu tư Chương trình; nhưng các trường này thực hiện nhiệm vụ đào tạo con em học sinh DTTS ở các xã thuộc vùng DTTS&MN (các trường còn thiếu các hạng mục: nhà ăn, các phòng học chức năng, phòng công vụ, sân trường,... rất khó khăn trong việc dạy và học) nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện.

+ Tiểu dự án 2, Dự án 5: Quy định việc cấp chứng chỉ cho các đối tượng tham gia bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ (thời gian bồi dưỡng chỉ 05 ngày) nên gặp khó khăn trong triển khai thực hiện; mặt khác, công tác bồi dưỡng tiếng Khmer, theo quy định của tỉnh thẩm định 138,25 triệu đồng/lớp (50 học viên), thực tế Trường Đại học Trà Vinh thực hiện 300 triệu đồng/lớp (50 học viên) nên không thực hiện được.

+ Tiểu dự án 3, Dự án 5: Đối tượng tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm rất hạn chế so với kế hoạch đăng ký ban đầu; nên khó khăn trong việc chiêu sinh mở lớp đào tạo nghề giải quyết việc làm cho người DTTS, do người lao động chủ động tự tìm việc làm, trực tiếp ký kết hợp đồng với doanh nghiệp,... qua đó, người lao động được doanh nghiệp dạy nghề và tuyển dụng giải quyết việc làm.

+ Tiểu Dự án 1, Dự án 9: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách nên chưa triển khai thực hiện được.

+ Tiểu Dự án 2, Dự án 10: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN nên chưa triển khai thực hiện được.

b) Nguyên nhân:

- Một bộ phận hộ đồng bào DTTS nghèo, hộ nghèo người Kinh sinh sống ở địa bàn đbkk đã thoát nghèo; địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN trong giai đoạn 2021-2025 đã đạt chuẩn nông thôn mới, theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ là xã khu vực I nên không còn được hưởng các chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước.

- Quá trình triển khai thực hiện Chương trình bị kéo dài, dẫn đến tính chính xác của nhiều thông tin, số liệu được rà soát, đề xuất nhu cầu thực hiện các chính sách cho đến khi triển khai thực hiện thực tiễn không còn phù hợp (nhất là số liệu liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo); dẫn đến thay đổi nhu cầu đầu tư theo đối tượng, nội dung, địa bàn tại thời điểm triển khai so với thời điểm đề xuất nhu cầu kế hoạch.

2. Khó khăn trong phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ Chương trình

a) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định:

Theo quy định tại Công văn số 4518/UBND-KGVX ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc chế độ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, định kỳ trước ngày 15 hằng tháng, các đơn vị, địa phương gửi báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình về Ban Dân tộc tổng hợp tham mưu báo cáo Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh nhưng việc triển khai thực hiện của các đơn vị, địa phương rất hạn chế² nên Ban Dân tộc gặp khó khăn trong công tác tổng hợp tham mưu; nội dung báo cáo không có đánh giá khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

Trong đó, có huyện báo cáo đánh giá nguồn vốn phân bổ năm 2022, 2023 huyện đã thực hiện hoàn thành 100% các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra nên không xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện, giải ngân nguồn vốn đã phân bổ; chờ kế hoạch vốn năm 2024 phân bổ mới xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện; trong khi nguồn vốn của Chương trình được phân bổ thực hiện cho cả giai đoạn đến năm 2025, kết quả giải ngân nguồn vốn đã phân bổ chỉ đạt trên 70% kế hoạch phân bổ. Quan điểm này cũng xảy ra ở một số sở, ngành của tỉnh; đối với nguồn vốn đã phân bổ năm 2022, năm 2023 chưa thực hiện giải ngân hết, không tiếp tục xây dựng kế hoạch để thực hiện giải ngân nguồn vốn hoặc thực hiện chuyển nguồn sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện mà đề xuất trả nguồn vốn và đề nghị phân bổ nguồn vốn của kế hoạch năm 2024 để thực hiện. Những quan điểm này, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân nguồn vốn chung của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện:

Ban Dân tộc đã phối hợp tham mưu trình UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện đối với Chương trình; hiện nay, đang chờ ý kiến góp ý của Sở Tài chính theo Công văn số 472/BDT-CSĐT ngày 04/7/2024 của Ban Dân tộc để hoàn chỉnh văn bản, trình UBND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp thực hiện rà soát nguồn vốn đã phân bổ và đề xuất nhu cầu điều chuyển nguồn vốn:

² Tháng 6, 05 đơn vị báo cáo, gồm: LMHTX tỉnh, Sở LĐ-TBXH, Sở TT&TT (trễ), Hội LHPN tỉnh, Lộc Ninh (trễ).
Tháng 5, 04 đơn vị báo cáo, gồm: LMHTX tỉnh, Sở NN-PTNT, Sở TT&TT, Sở Y tế.
Tháng 4, 04 đơn vị báo cáo, gồm: LMHTX tỉnh, Sở NN-PTNT, Sở TT&TT, Sở Y tế.
Tháng 3, 08 đơn vị báo cáo, gồm: LMHTX tỉnh, Sở NN-PTNT, Sở TT&TT, Sở Y tế, Sở LĐ-TBXH, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập.

Ban Dân tộc có Công văn số 327/BDT-CSDT ngày 21/5/2024, Công văn số 415/BDT-CSDT ngày 14/6/2024 đề nghị các đơn vị, địa phương được giao kế hoạch vốn khẩn trương thực hiện rà soát, đánh giá khả năng thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu của chương trình, dự án, tiểu dự án thành phần và đề xuất nhu cầu thực hiện điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn. Hiện nay, Ban Dân tộc chờ văn bản của 02 huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập để tổng hợp, rà soát, tham mưu UBND tỉnh theo quy định; kết quả thống kê theo mục 3, phần III của dự thảo báo cáo.

c) Tham mưu triển khai mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 thực hiện Chương trình: (Công văn số 443/UBND-VPCTMTQG ngày 21/3/2024 của Ủy ban Dân tộc)

Ban Dân tộc đã phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng hoàn chỉnh dự thảo văn bản giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 thực hiện Chương trình; nhưng gặp khó khăn về chỉ tiêu giảm hộ nghèo trong đồng bào DTTS. Do đó, UBND tỉnh có Công văn số 1967/UBND-KGVX Ngày 22/5/2024 giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - TBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, điều chỉnh chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Ban Dân tộc đang chờ ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Công văn số 453/BDT-CSDT ngày 28/6/2024 để hoàn chỉnh văn bản, tham mưu UBND tỉnh trình Ủy ban Dân tộc xem xét theo quy định.

d) Đề nghị phối hợp rà soát nguồn vốn Chương trình:

Qua theo dõi kế hoạch phân bổ nguồn vốn và kết quả giải ngân nguồn vốn của Chương trình thì số liệu có nhiều bất cập, cần phải được rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với quy định. Ngày 12/6/2024, Ban Dân tộc đã có Công văn số 408/BDT-CSDT đề nghị Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh phối hợp thực hiện rà soát nguồn vốn như sau:

- Vốn đầu tư công: Tổng kế hoạch nguồn vốn UBND tỉnh phân bổ thực hiện Chương trình năm 2022, năm 2023 là 394.022 triệu đồng; kết quả thực hiện giải ngân đến ngày 16/5/2024 của các đơn vị, địa phương gửi về Ban Dân tộc tổng hợp là 319.708 triệu đồng³, đạt 81,14% kế hoạch. Số liệu tổng hợp giải ngân của Kho bạc Nhà nước tỉnh 377.925 triệu đồng, đạt 95,91% kế hoạch; vốn đối ứng của ngân sách 37.687 triệu đồng, đạt 9,72% so với vốn giải ngân (theo quy định phải tối thiểu 15%, gồm: 10% ngân sách tỉnh, 5% ngân sách huyện). Đồng thời, kết quả giải ngân có 39.312 triệu đồng thuộc các dự án không nhập mã chi tiết trên TABMIS, chủ yếu thuộc nguồn ngân sách đối ứng của địa phương.

- Vốn sự nghiệp: Tổng kế hoạch nguồn vốn UBND tỉnh phân bổ thực hiện Chương trình năm 2022, 2023 là 132.074 triệu đồng; kết quả thực hiện giải ngân đến ngày 16/5/2024 của các đơn vị, địa phương gửi về Ban Dân tộc tổng hợp là 42.778 triệu đồng đạt 32,39% kế hoạch. Nhưng số liệu tổng hợp giải ngân của Kho bạc Nhà nước tỉnh 52.743 triệu đồng, đạt 39,93% kế hoạch.

³ Số liệu kế hoạch vốn theo tổng hợp của Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chi bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh. Riêng số liệu kết quả giải ngân của Ban Dân tộc tổng hợp của các đơn vị, địa phương có bao gồm vốn đối ứng của ngân sách huyện (Báo cáo số 55/BC-BDT).

3. Giải pháp thực hiện thời gian tới

Nhằm tham mưu triển khai thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024, Ban Dân tộc phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu:

- Thường xuyên tham mưu đơn đốc các đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn được giao đúng thời hạn, quy định; thực hiện rà soát, xác định nhiệm vụ và kinh phí đã giao năm 2022, năm 2023 được chuyển nguồn sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện đảm bảo đúng quy định, tiến độ triển khai. Đồng thời, có biện pháp quyết liệt tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn được phân bổ theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; chỉ đạo theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn hoặc báo cáo, đề xuất cấp thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình; Người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện trong triển khai thực hiện nguồn vốn được phân bổ; gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tham mưu hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn để các đơn vị, địa phương thực hiện, giải ngân nguồn vốn; đơn đốc, thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu rà soát phân bổ 21.274 triệu đồng vốn sự nghiệp năm 2023 để triển khai thực hiện trong năm 2024; phối hợp với các đơn vị, địa phương để tham mưu giải pháp phân bổ, sử dụng 52.585 triệu đồng vốn sự nghiệp được giao năm 2024 còn chưa có danh mục phân bổ.

- Phối hợp tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để sớm triển khai áp dụng cho Chương trình.

- Tăng cường theo dõi, cập nhật kịp thời tiến độ thực hiện Chương trình; Tham mưu kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện Chương trình theo định kỳ, đột xuất để nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm tham mưu giải pháp tháo gỡ kịp thời cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Nhằm khắc phục khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, Ban Dân tộc kiến nghị UBND tỉnh như sau:

1. Nguồn vốn sự nghiệp năm 2023 chưa phân bổ 21.275 triệu đồng, thuộc Dự án 5 của Chương trình: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, thống nhất tham mưu UBND tỉnh thực hiện phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện. Đối với danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập đề nghị áp dụng theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh theo ý kiến của huyện Bù Gia Mập. Thực tế, huyện Lộc Ninh đã áp dụng quyết định này để tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 29/12/2023

về phê duyệt Đề cương và Dự toán chi tiết Dự án: Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS của Trường Phổ thông DTNT huyện Lộc Ninh.

2. Nhằm tháo gỡ khó khăn, tồn tại theo mục 2, phần IV của dự thảo báo cáo: UBND tỉnh Chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương:

- Chấp hành tốt chế độ thông tin báo cáo định kỳ, độ xuất về tiến độ thực hiện Chương trình theo quy định tại Công văn số 4518/UBND-KGVX ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh; định kỳ trước ngày 15 hằng tháng, các đơn vị, địa phương gửi báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình về Ban Dân tộc, nội dung báo cáo phải đảm bảo đề cương theo quy định để tổng hợp tham mưu báo cáo Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh.

- Tăng cường trách nhiệm phối hợp tham gia góp ý các dự thảo văn bản liên quan đến triển khai thực hiện Chương trình; trong đó, Sở Tài chính góp ý văn bản UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 theo Công văn số 472/BDT-CSDT ngày 04/7/2024 của Ban Dân tộc; Sở Kế hoạch và Đầu tư góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình Ủy ban Dân tộc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 của Chương trình theo Công văn số 453/BDT-CSDT ngày 28/6/2024 của Ban Dân tộc;...

3. Nhằm thống nhất nội dung tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, Ban Dân tộc kiến nghị UBND tỉnh xem xét, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động - TBXH, Ban Dân tộc và các sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh theo Công văn số 2581/UBND-TH ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh về thực hiện Thông báo số 2423-TB/TU ngày 20/6/2024 của Tỉnh ủy về kết luận Phiên họp thứ 23/2024, có kết luận giao thực hiện đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG trong thời gian tới.

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh đến tháng 6 năm 2024./.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN VỐN NĂM 2024 - THEO DỰ ÁN

ĐVT: triệu đồng

TT	Dự án	Kế hoạch nguồn vốn năm 2024					Kết quả phân bổ nguồn vốn năm 2024					Nguồn vốn chưa phân bổ năm 2024					Ghi chú
		Tổng	NSTW hỗ trợ		NS tính đối ứng		Tổng	NSTW hỗ trợ		NS tính đối ứng		Tổng	NSTW hỗ trợ		NS tính đối ứng		
			Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN		Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN		Vốn ĐTPT	Vốn SN			
TỔNG CỘNG		296.423	188.432	77.383	19.000	11.608	243.838	188.432	32.221	19.000	4.185	52.585	-	45.162	-	7.423	
1	Dự án 1	30.644	12.176	15.000	1.218	2.250	14.434	12.176	946	1.218	94	16.210	-	14.054	-	2.156	
2	Dự án 2	75.302	68.314		6.988		75.302	68.314		6.988		-	-	-	-	-	
3	Dự án 3	21.373		18.585		2.788	18.326		15.990		2.336	3.047	-	2.595	-	452	
4	Dự án 4	81.226	70.134	3.548	7.012	532	77.146	70.134		7.012		4.080	-	3.548	-	532	
5	Dự án 5	53.137	22.485	24.698	2.249	3.705	28.686	22.485	3.495	2.249	457	24.451	-	21.203	-	3.248	
6	Dự án 6	21.625	15.323	4.147	1.533	622	21.439	15.323	4.147	1.533	436	186	-	-	-	186	
7	Dự án 7	2.257		1.963		294	2.197		1.963		234	60	-	-	-	60	
8	Dự án 8	3.900		3.391		509	987		881		106	2.913	-	2.510	-	403	
9	Dự án 9	2.867		2.493		374	2.743		2.493		250	124	-	-	-	124	
10	Dự án 10	4.092		3.558		534	2.578		2.306		272	1.514	-	1.252	-	262	

Các quyết định phân bổ nguồn vốn:

1. Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh về việc giao vốn giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024
2. Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN, NĂM 2024 - THEO ĐƠN VỊ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kết quả phân bổ nguồn vốn năm 2024						
		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	NSTW hỗ trợ		NS tính đối ứng	
					Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN
TỔNG CỘNG		243.838	207.432	36.406	188.432	32.221	19.000	4.185
1	Huyện Lộc Ninh	54.473	51.011	3.462	46.231	3.147	4.780	315
2	Huyện Bù Đăng	30.407	27.116	3.291	24.651	2.992	2.465	299
3	Huyện Bù Đốp	11.713	11.067	646	10.060	587	1.007	59
4	Huyện Bù Gia Mập	87.747	84.125	3.622	76.478	3.294	7.647	328
5	Huyện Phú Riềng	4.824	4.048	776	3.680	705	368	71
6	Huyện Đồng Phú	27.439	25.816	1.623	23.469	1.475	2.347	148
7	Huyện Hớn Quản	3.973	3.156	817	2.869	743	287	74
8	TX Bình Long	566	519	47	472	43	47	4
9	Sở Lao động, TB&XH	1.695	-	1.695		1.473		222
10	Hội LHPN tỉnh	420	-	420		365		55
11	Sở TT&TT	211	-	211		183		28
12	Sở Văn hóa, TT&DL	467	-	467		406		61
13	Sở Y tế	900	-	900		783		117
14	Sở NN&PTNT	1.988	-	1.988		1.729		259
15	Vườn QG Bù Gia Mập	12.281	-	12.281		10.679		1.602
16	Ban Dân tộc	1.246	574	672	522	585	52	87
17	LM Hợp tác xã	1.023	-	1.023		889		134
18	Hội Nông dân tỉnh	2.465	-	2.465		2.143		322

Các quyết định phân bổ nguồn vốn:

- Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh về việc giao vốn giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024
- Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024

Biểu số 03

TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, NGUỒN VỐN NĂM 2022, 2023 - THEO ĐƠN VỊ

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn phân bổ (triệu đồng)									Kế quả giải ngân (triệu đồng)									Tỷ lệ giải ngân (%)		
		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Năm 2022			Năm 2023			Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Năm 2022			Năm 2023			Tổng	Năm 2022	Năm 2023
					Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN				Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN			
TỔNG CỘNG		545.697	410.210	135.487	224.514	178.909	45.605	321.183	231.300	89.882	412.686	369.894	42.792	185.341	164.110	21.231	227.345	205.784	21.561	75.63	82.55	70.78
1	Huyện Lộc Ninh	205.549	174.042	31.507	87.069	75.090	11.979	118.480	98.952	19.528	163.197	160.404	2.793	71.880	70.565	1.315	91.317	89.839	1.478	79.40	82.56	77.07
2	Huyện Bù Đăng	73.738	56.204	17.534	21.608	18.542	3.066	52.130	37.662	14.468	52.670	47.031	5.640	20.621	18.205	2.416	32.049	28.825.9	3.223.5	71.43	95.43	61.48
3	Huyện Bù Đốp	31.437	23.889	7.548	9.003	6.576	2.427	22.434	17.312.5	5.121	18.565.62	16.785	1.780	2.850	1.780	1.070.29	15.715.33	15.005.48	709.845	59.06	31.66	70.05
4	Huyện Bù Gia Mập	154.286	134.536	19.750	71.248	67.683	3.565	83.038	66.853	16.185	136.868	129.759	7.109	67.296	66.330	966	69.572	63.429	6.142.700	88.71	94.45	83.78
5	Huyện Phú Riềng	6.732	3.128	3.604	2.180	947	1.233	4.552	2.181	2.371	3.373	2.756	617	1.262	947	315.1	2111.39	1809	302.39	50.11	57.89	46.38
6	Huyện Đồng Phú	8.506	3.014	5.492	1.823		1.823	6.683	3.014	3.669	3.828	2.593	1.235	487		487	3.341	2593	748.3	45.01	26.71	50
7	Huyện Hớn Quản	12.833	10.017	2.816	7.123	7.054.3	69	5.710	2.963	2.747	9.700	8.967	733	6.161	6.091.9	69	3.539	2.875	663.7	75.58	86.49	61.97
8	TX Bình Long	5.092	2.063	3.029	1.973	1.610	363	3.119	452.8	2.666	1.220	591	629	295	138	156.91	924.9	452.8	472.1	23.96	14.95	29.66
9	TX Chơn Thành	135	53	82	80	53	27	55		55	135	53	82	80	53	27	55		55	100	100	100
10	Sở Lao động, TB&XH	6.559	0	6.559	2.381		2.381	4.178		4.178	371.92	0	372	244		244.27	127.65		127.65	5.67	10.26	3.06
11	Hội LHPN tỉnh	2.067	0	2.067	1.235		1.235	832		832	1.574.84	0	1.575	1.233		1.232.7	342.14		342.14	76.19	99.81	41.12
12	Sở TT&TT	2.468	0	2.468				2.468		2.468	157.45	0	157	0			157.449		157.449	6.38		6.38
13	Sở Văn hóa, TT&DL	3.516	1.554	1.962	2.112	599	1.513	1.404	955	449	1.493	0	1.493	1.245		1.245	143.6		247.9	42.46	58.95	10.23
14	Sở Y tế	1.462	0	1.462	1.068		1.068	394		394	735	0	735	651		651.47	83.644		83.644	50.28	61.00	21.23
15	Sở NN&PTNT	3.087.82	0	3.088	3.088		3087.82				3.087.82	0	3.088	3.088		3.087.82				100		
16	Vườn QG Bù Gia Mập	11.540	0	11.540	6.632		6.632	4.908		4.908	11.540	0	11.540	6.632		6.632	4.908		4.908	100	100	99.99
17	Ban Dân tộc	14.002	1.607	12.395	5.788	652	5.136	8.214	955	7.259	3.657.89	955	2.703	1.316		1.315.64	2.342.25	955	1.387.25	26.12	22.73	28.52
18	LM Hợp tác xã	2.214	52	2.162	52	52		2.162		2.162	98	0	98	0			98		98	4.43	0	4.53
19	Hội Nông dân tỉnh	422	0	422				422		422	413	0	413	0			413		413	97.87		97.87
20	Tỉnh đoàn	51	51	0	51	51					0	0	0	0						0		

